

Bản án số: 137/2017/HSST
Ngày: 14-8-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiên Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Pọm.

2. Bà Lê Hồng Nhung.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 139/2017/HS/ST ngày 11/7/2017 đối với bị cáo:

Đàm Thị N; Tên gọi khác: Không; Sinh năm : 1966 tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: TK3, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch : Việt Nam; Con ông: Đàm Văn T 95 tuổi; Con bà: Nguyễn Thị L (đã chết); Bị cáo có chồng : Trần Văn T 54 tuổi (đã ly hôn) và 2 con lớn 30 tuổi, nhỏ 27 tuổi. Tiền sự : Không; Tiền án : Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2017 đến ngày ngày 28/4/2017 được tại ngoại cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị **Cà Thị C;** Trú tại: Bản B, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị **Cà Thị S;** Trú tại: Bản B, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Chị **Trần Thị V;** Trú tại : TK3, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 21 giờ 40 phút, ngày 25/4/2017 tổ công tác Phòng PC45 - Công an tỉnh Sơn La phối hợp với Công an huyện Thuận Châu làm nhiệm vụ tại khu vực

TK 3, xã T, huyện Thuận Châu nhận thấy nhà nghỉ trọ Thanh N do Đàm Thị N làm chủ có nhiều biểu hiện nghi vấn hoạt động mại dâm, tổ công tác đã tiến hành kiểm tra tầng 2 nhà trọ phát hiện tại phòng số 3 có đối tượng Cà Thị C, sinh năm: 1979, trú tại: bản B, xã P, huyện T và Lò Văn T, sinh năm: 1990, trú tại: bản T, xã C, huyện M; Tại phòng số 02 có đối tượng: Cà Thị S, sinh năm: 1986, trú tại: bản Ba, xã P, huyện T và Quảng Văn D, sinh năm: 1976, trú tại: bản Mn, xã C, huyện M đang thực hiện hành vi mua bán dâm, căn cứ vào lời khai của các đối tượng, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đàm Thị N về hành vi chứa mại dâm, các đối tượng Cà Thị C, Lò Văn T, Cà Thị S và Quảng Văn D về hành vi mua bán dâm. Vật chứng thu giữ:

- Một điện thoại Sam Sung Galaxy J7 Prime vỏ màu trắng vàng đồng, số IMEI: 355228/08/744086/1; IMEI 355229/08/744986/9 đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì.

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 3.170.000^d.

- 01 bao cao su đã qua sử dụng + 01 vỏ bao cao su bị xé rách + 02 bao cao su chưa sử dụng, nhãn hiệu Comdom Hualei thu giữ tại phòng số 03

- 01 bao cao su đã qua sử dụng + 01 vỏ bao cao su bị xé rách + 01 bao cao su chưa qua sử dụng nhãn hiệu Comdom Hua lei thu giữ tại phòng số 02

- Cà Thị C giao nộp số tiền: 400.000^d, C khai do T mua dâm trả cho Chung.

Ngày 3/5/2017 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định tiền. Tại kết luận số: 313 ngày 4/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “ Số tiền có số mã hiệu ghi trong: Biên bản niêm phong, kiểm tra số seri tiền và niêm phong lại do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La (PC45) lập, là tiền thật ”

Tại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La và Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, Đàm Thị N khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 25/4/2017 Lò Văn Thủy, sinh năm: 1990, Lò Văn A, sinh năm: 1990, cùng trú tại: bản T, xã C, huyện M và Quảng Văn D, sinh năm: 1976, trú tại: bản M, xã C, huyện M đến nhà nghỉ trọ Thanh N tại TK 3, xã T, huyện T để ăn và uống rượu do Đàm Thị N làm chủ. Trong lúc uống rượu A, T và D có hỏi N liên hệ với gái gọi đến uống rượu cùng. N đồng ý và dùng điện thoại di động gọi cho Cà Thị C bảo C rủ thêm bạn đến uống rượu cùng. Sau đó Cà Thị Chung dùng điện thoại di động gọi cho Cà Thị S ở cùng bản với C rủ đi cùng, S đồng ý và C lấy xe mô tô của gia đình điều khiển chở theo S đến nhà nghỉ Thanh N để uống rượu với khách, đến nhà nghỉ Thanh N, C và S đi ngồi uống rượu cùng với T, A và D. Đến khoảng 21 giờ thì ăn xong, T đến chỗ N trả tiền ăn, N nói hết 600.000^d, đồng thời T đặt vấn đề với N muốn trả tiền thuê phòng nghỉ qua đêm, tiền mua dâm để mua bán dâm với C, S và bảo N gọi thêm một gái bán dâm nữa đến, N đồng ý cho thuê phòng và nói : “ Không, nhà chị không làm việc đấy đâu ” ý là không thu tiền bán dâm cho gái bán dâm, việc bán dâm họ thỏa thuận với nhau.

Sau đó T đưa cho N 1.100.000^d, trong đó tiền ăn uống là 600.000^d, tiền thuê phòng nghỉ là 450.000^d, mỗi phòng 150.000^d/1đêm và tiền nước là 50.000^d. Ngoạn cho T, A và D thuê 3 phòng nghỉ số 2, 3, 4 trên tầng 2 nhà nghỉ Thanh N. Sau đó T, D và A tự đi lên các phòng nghỉ rồi N bảo S, C đang ngồi ở bàn uống nước “ *Các em lên phòng số 2, 3 tâm sự với các anh đi, các anh lên phòng rồi*” rồi C và S đi lên tầng 2, N biết C, S đi lên để quan hệ tình dục bán dâm nên N đã chỉ chỗ để bao cao su cho C và S. Khi T, A, D và C, S lên tầng 2 thì có Lương Thị K, sinh năm: 1986, trú tại: bản P, xã N, huyện T đến, trước đó N đã gọi cho K đến. Ngoạn bảo K lên phòng 4 tiếp khách, K đồng ý nhưng đang ở tầng 1 chưa lên thì có tổ công tác Công an tỉnh Sơn La vào kiểm tra nhà N và phát hiện việc mua bán dâm trên tầng 2 nhà N, tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ cùng vật chứng như nêu trên.

Bản cáo trạng số: 101/KSĐT ngày 10/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Đàm Thị N về tội: Chứa mại dâm theo khoản 1 Điều 254 BLHS. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đàm Thị N phạm tội: Chứa mại dâm.

Đề nghị Hội đồng xét xử khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và theo Công văn hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định có lợi cho người phạm tội ; Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327 BLHS năm 2015 : Xử phạt bị cáo Đàm Thị N mức án từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 14/8/2017.

Giao bị cáo Đàm Thị N cho UBND nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo được quy định tại khoản 5 Điều 254 BLHS.

Về vật chứng vụ án đề nghị tuyên tiêu huỷ :

- Thu giữ tại phòng số 03 : 01 bao cao su đã qua sử dụng + 01 vỏ bao cao su bị xé rách + 02 bao cao su chưa sử dụng, nhãn hiệu Comdom Hualei.
- Thu giữ tại phòng số 02 : 01 bao cao su đã qua sử dụng + 01 vỏ bao cao su bị xé rách + 01 bao cao su chưa qua sử dụng nhãn hiệu Comdom Hualei.

Đề nghị tuyên trả cho chị Trần Thị V : Một điện thoại Sam Sung Galaxy J7 Prime vỏ màu trắng vàng đồng, số IMEI: 355228/08/744086/1; IMEI 355229/08/744986/9 đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì.

Đề nghị tuyên trả cho chị Cà Thị C : 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng tạm giữ của Cà Thị C.

Đề nghị tuyên trả cho chị Cà Thị S : 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, đã qua sử dụng.

Đề nghị tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền: 450.000^d của Đàm Thị N.

Đề nghị tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền: 400.000^d của Cà Thị C.

Đề nghị tuyên tạm giữ số tiền 650.000^d để đảm bảo thi hành án của bị cáo Đàm Thị N.

Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Nhất trí như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo, là phụ nữ sống đơn thân thường xuyên ốm đau bệnh tật, chồng đã ly hôn, con nghiện ma túy đang chấp hành án phạt tù, bị cáo có anh trai là liệt sỹ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và hiện nay đang nuôi bố đẻ là thân nhân liệt sỹ, gia đình hoàn cảnh khó khăn cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau :

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

Về nội dung vụ án : Ngày 25/4/2017 Đàm Thị N có hành vi sử dụng nhà nghỉ do mình làm chủ để cho các đối tượng Lò Văn T, Quàng Văn D, Cà Thị C và Cà Thị S để quan hệ tình dục mua bán dâm trong nhà nghỉ nhằm mục đích hưởng lợi tiền phòng 450.000^d. Hành vi trên của Đàm Thị N đã phạm vào tội chứa mại dâm, được quy định khoản 1 Điều 254 BLHS.

Căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa. Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu xét thấy: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng, hoàn toàn phù hợp với

lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó có đủ điều kiện căn cứ kết luận bị cáo Đàm Thị N phạm tội : Chứa mại dâm. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự. Việc đưa bị cáo ra truy tố và xét xử về tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 254 BLHS năm 1999 quy định:

“1. Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm.

Tại khoản 1 Điều 327 BLHS năm 2015 quy định :

“1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Mặc dù Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên theo Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và theo Công văn số: 276/TANDTC - PC, ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định có lợi cho người phạm tội. HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 3 Điều 7 BLHS; khoản 1 Điều 327 BLHS năm 2015 xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo, tạo cơ hội cho bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Đàm Thị N dùng địa điểm nhà ở thuộc quyền sở hữu, quản lý của bị cáo để thực hiện việc mua dâm, bán dâm. Chứa mại dâm vì mục đích vụ lợi thu lợi bất chính. Xâm hại trực tiếp đến trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, sức khỏe con người tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh, hủy hoại nhân cách con người là nguyên nhân làm lây lan các loại bệnh nguy hiểm nhất là HIV- AIDS. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Xét nhân thân bị cáo Đàm Thị N :

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự : Bị cáo Đàm Thị N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Bản thân bị cáo là phụ nữ sống đơn thân thường xuyên ốm đau bệnh tật, chồng đã ly hôn, con nghiện ma túy đang chấp hành án phạt tù, bị cáo có anh trai là liệt sỹ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và hiện nay đang nuôi bố đẻ đã già yếu là thân nhân liệt sỹ đây là những tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xét đơn đề nghị xin hưởng án treo của bị cáo Đàm Thị N có đơn bảo lãnh của gia đình và chính quyền địa phương,, lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị xin được hưởng mức án phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Nay Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do vậy có đủ điều kiện để được hưởng án treo, không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội cũng đảm bảo tính

rắn đe và phòng ngừa chung, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng đối với người phạm tội, giao bị cáo cho UBND nơi cư trú phối hợp với gia đình bị cáo trực tiếp giám sát, giáo dục vận dụng khoản 1, 2 Điều 60 BLHS. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Ngoài hình phạt chính là phạt tù bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 254 BLHS : *5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế từ một năm đến năm năm”.*

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo buôn bán nhỏ lẻ, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn thu nhập thấp, đang nuôi bổ đẽ đã già yếu là thân nhân liệt sĩ do vậy không có khả năng thi hành án cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Đối với Lò Văn T, Quảng Văn D, Cà Thị C, Cà Thị S có hành vi mua bán dâm tại nhà nghỉ Thanh N là vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội. Do vậy, việc Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La ra quyết định xử lý hành chính đối với mỗi đối tượng 500.000^d là hợp lý, thỏa đáng.

Đối với Lò Văn A, Lương Thị K có mặt tại thời điểm bắt quả tang nhưng chưa thực hiện hành vi mua bán dâm, do đó vấn đề xử lý không đặt ra.

Về vật chứng của vụ án : Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng tạm giữ của Cà Thị C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, đã qua sử dụng tạm giữ của Cà Thị S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J7 Prime, vỏ màu trắng vàng đồng tạm giữ của Đàm Thị N là điện thoại của chị Trần Thị V (con gái bị cáo N) xét thấy Đàm Thị N, chị Cg, chị S không sử dụng vào mục đích phạm tội và chị V đã có đơn xin lại do đó cần tuyên trả lại cho các chủ sở hữu trên theo quy định của pháp luật.

Đối với một bao cao su đã qua sử dụng + 01 vỏ bao cao su bị xé rách + 02 bao cao su chưa qua sử dụng nhãn hiệu ConDom Hualei được niêm phong theo quy định; Một bao cao su đã qua sử dụng + 01 vỏ bao cao su đã bị xé rách + 01 bao cao su chưa qua sử dụng nhãn hiệu ConDom Hualei; Một hộp giấy màu vàng cam, mặt ngoài có chữ VIP condom ở bốn mặt, hộp không có nắp và 13 bao cao su chưa sử dụng, hiệu Condom Hualei là công cụ, phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 3.170.000^d thu giữ của Đàm Thị N trong đó có 450.000^d là tiền thu phòng trọ để mua bán dâm đây là tiền do phạm tội mà có cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước; Số tiền 650.000^d là tiền bị cáo được thanh toán tiền com và nước xét thấy không liên quan đến vụ án cần tuyên tạm giữ để bảo đảm thi hành án; Số tiền 1.870.000^d là tiền của chị Trần Thị V gửi bị cáo N, chị V đã có đơn xin lại số tiền này xét thấy không liên quan đến vụ án cần tuyên trả lại cho chủ sở hữu là chị V theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 400.000^d thu giữ của Cà Thị C là tiền bán dâm đây là tiền do phạm tội mà có cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước vận dụng Điều 41; Điều 42 BLHS và Điều 76 BLTTHS.

Về án phí : Bị cáo Đàm Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung của Nhà nước vận dụng Điều 99 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo : Bị cáo Đàm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án vận dụng Điều 231, Điều 234 BLTTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh : Tuyên bố bị cáo Đàm Thị N phạm tội: Chứa mại dâm.

2. Về hình phạt : Áp dụng khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327 BLHS năm 2015 :

Phạt bị cáo Đàm Thị N 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 14/8/2017.

Giao các bị cáo Đàm Thị Nn cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo Đàm Thị N có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện T, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Đàm Thị N thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện Thuận Châu thì Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sơn La có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện T để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo Đàm Thị N thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện T thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3. Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS và Điều 76 BLTTHS.

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ:

+ Một bao cao su đã qua sử dụng + 01 vỏ bao cao su bị xé rách + 02 bao cao su chưa sử dụng, nhãn hiệu Condom Hualei.

+ Một bao cao su đã qua sử dụng + 01 vỏ bao cao su bị xé rách + 01 bao cao su chưa qua sử dụng nhãn hiệu Comdom Hua lei.

+ Một hộp giấy màu vàng cam, mặt ngoài có chữ VIP condom ở bốn mặt, hộp không có nắp và 13 bao cao su chưa sử dụng, hiệu Condom Hualei.

-Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước :

+ Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam : 400.000^d (bốn trăm nghìn đồng) thu giữ của Cà Thị C.

+ Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam : 450.000^d (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Đàm Thị N.

- Tuyên trả cho chị Cà Thị C : Một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI : 866893024950918 và 866893024950900, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- Tuyên trả cho chị Cà Thị S : Một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, đã qua sử dụng có số IMEI 1 : 869106022900752, số IMEI 2 : 869106022900745, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- Tuyên trả cho chị Trần Thị V :

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7 PRIME, vỏ màu trắng - vàng đã qua sử dụng, có số IMEI : 355228/08/744086/1 và 355229/08/744086/9, không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam : 1.870.000^d (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Tuyên tạm giữ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam : 650.000^d (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Đàm Thị N để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí : Áp dụng Điều 99 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án : Bị cáo Đàm Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm giữ là 650.000^d (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Đàm Thị N để đảm bảo thi hành án. Bị cáo Đàm Thị N được trả lại số tiền 450.000^d (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo : Áp dụng Điều 231, Điều 234 BLTTHS : Bị cáo Đàm Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Cà Thị C, chị Cà Thị S, chị Trần Thị V biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo thủ tục hợp lệ về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình đã được tuyên./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh;
- VKSND (02);
- Sở Tư pháp
- CA huyện;
- THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Trại giam;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ (03);
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu án văn.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lường Tiến Hải